

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU
BẾN THÀNH**



2019

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: : Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

SĐT: (028) 37907619

Fax: (028) 37907461

Website: www.berubco.com.vn



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	08
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	36
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	46
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	62
QUẢN TRỊ CÔNG TY	78
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	88

BĂNG TẢI

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY	08
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	10
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	12
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	14
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	16
CÁC RỦI RO	18

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành.
Tên viết tắt	: BERUB JSC.
Mã chứng khoán	: BRC.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0301150295 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 09/03/2016.
Vốn điều lệ	: 123.749.970.000 đồng.
Trụ sở chính	: Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại	: (028) 37907619.
Số fax	: (028) 37907461.
Website	: www.berubco.com.vn .

Logo	: 
------	---

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Tiến thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, tọa lạc trong nội thành quận 11.



1994

Đổi tên thành Công Ty Cao Su Bến Thành, trực thuộc Sở Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh.



1998

Công ty dời về khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới toàn bộ thiết bị sản xuất hiện đại.



2007

Đổi tên thành Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn.



2008

Tăng vốn điều lệ lần thứ 1 lên 75 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.



2010

Tăng vốn điều lệ lần thứ 2 lên 82,49998 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



2011

Cổ phiếu của BERUBCO được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán BRC.



2012

Tiến hành đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải cao su lõi thép, có tính năng vượt trội so với băng tải lõi vải thông thường, dự án đã được UBND TP. Hồ Chí Minh phê duyệt.



2013

Tăng vốn điều lệ lần thứ 3 lên 123.749.970.000 đồng do phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



2015

Tập trung hoàn thiện nhà máy băng tải lõi thép, đưa vào sử dụng trong năm 2015.



2018

Đầu tư và sản xuất thử nghiệm dự án Bánh xích cao su.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



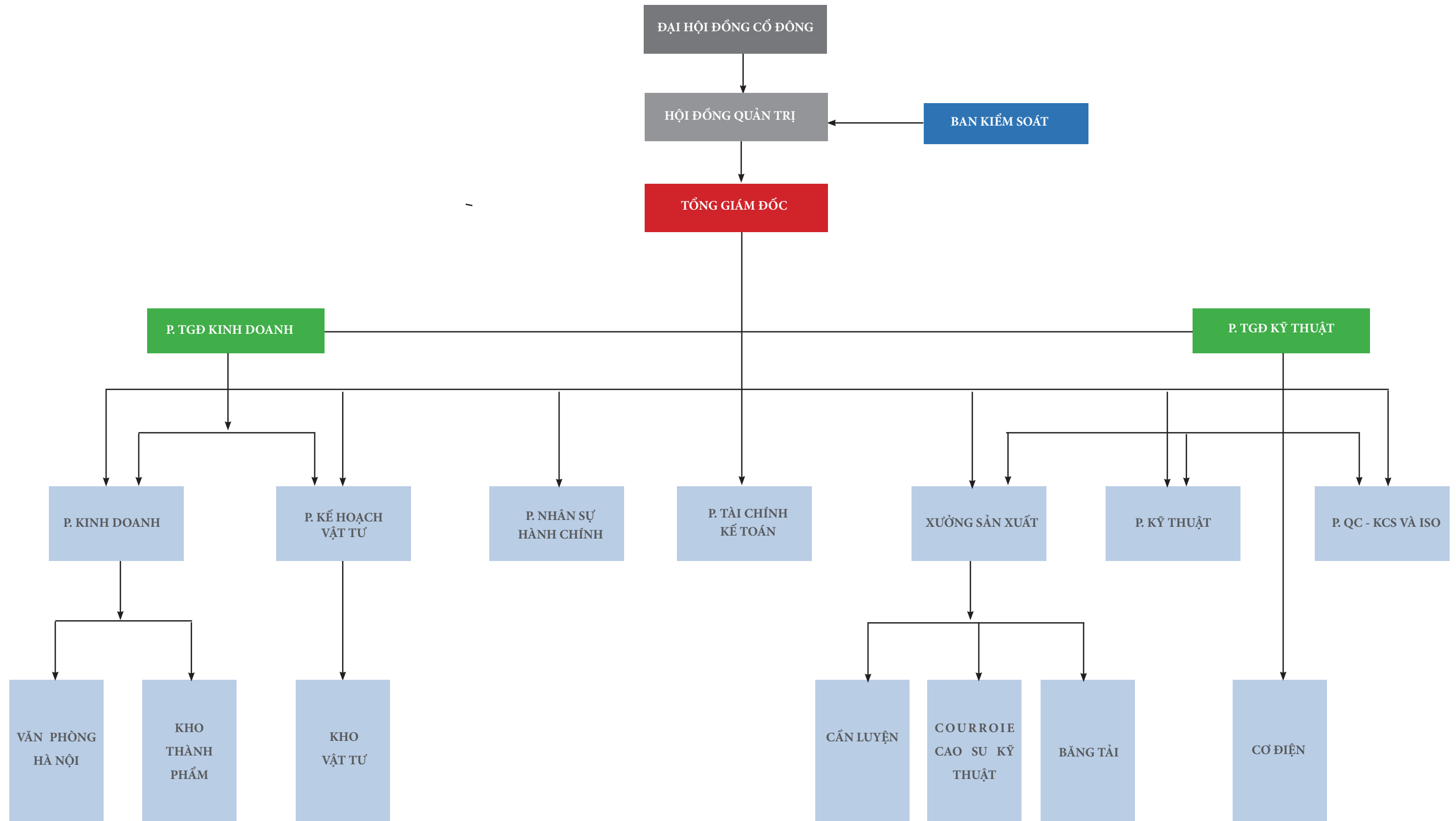
Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su: Băng tải, dây courroie, dây truyền bản, vỏ ruột xe đạp - gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật.
- Mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây truyền bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật.
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

Địa bàn kinh doanh

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của BERUBCO cung cấp trong nước và xuất khẩu sang nước ngoài như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Malaysia, Ai Cập.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



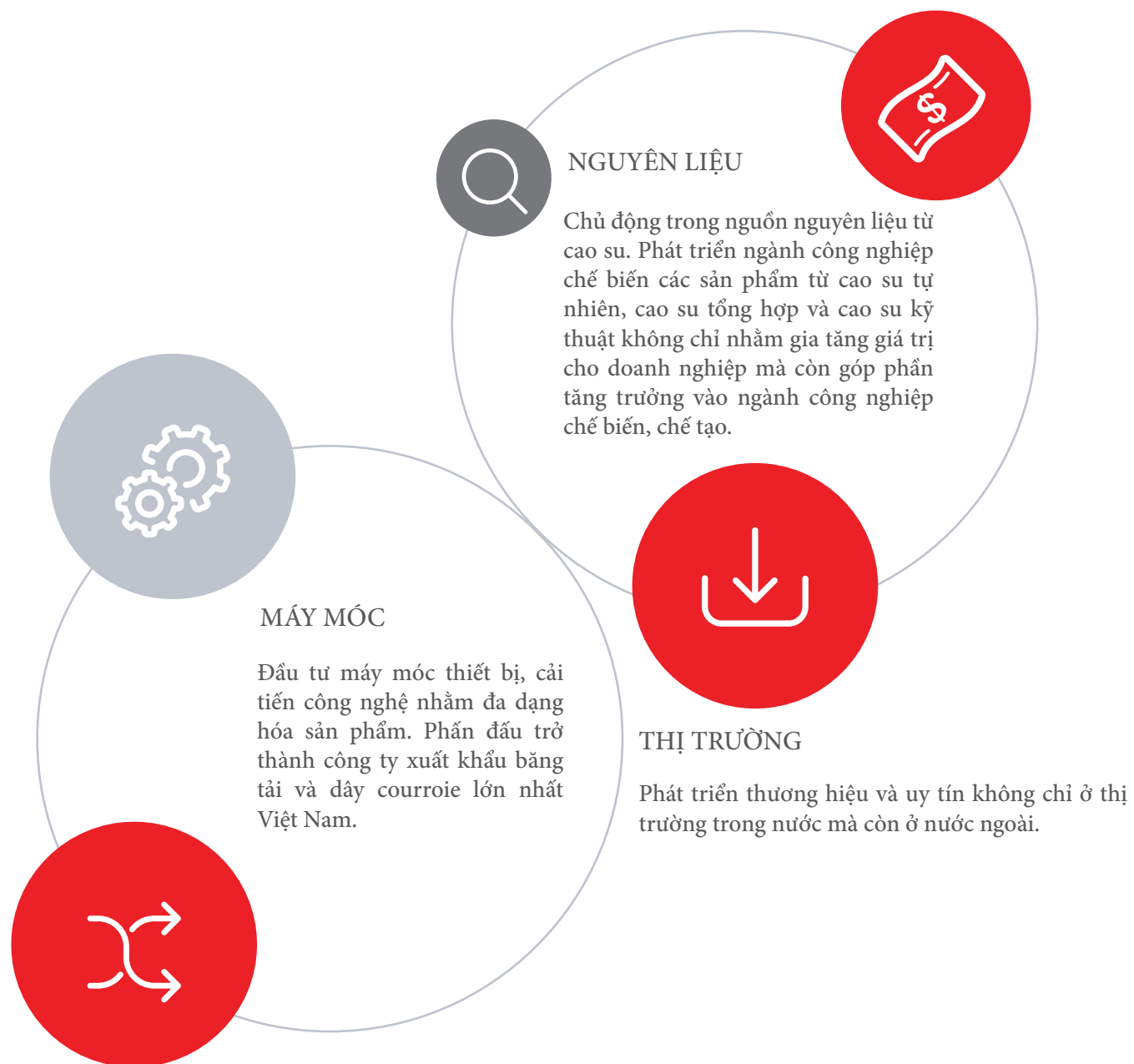
CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty:

- Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh, tăng năng suất và tạo ra nhiều sản phẩm mới với chất lượng cải tiến, hiệu quả hơn để thu hút thêm nhiều khách hàng và có được nhiều thị trường tiềm năng.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, duy trì, phát triển mạng lưới khách hàng truyền thống và khách hàng mới từ đó tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đánh giá và lương thưởng xứng đáng cho những cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả. Đào tạo lại đội ngũ hiện có nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: kiểm soát chặt chẽ chi phí, giảm thiểu chi phí tài chính, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vòng quay vốn hiệu quả.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:



Mục tiêu đối cộng đồng xã hội:

- Thực hiện các phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, chăm sóc phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách.
- Hưởng ứng phong trào thi đua toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ở địa phương.

Mục tiêu đối với môi trường

- Doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tổ chức các buổi đào tạo, hướng dẫn cán bộ công nhân viên của công ty trong việc thực hiện an toàn lao động, tiết kiệm năng lượng để hạn chế gây ô nhiễm cho môi trường.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2019, thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, hậu quả từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Do đó, nền kinh tế - xã hội nước ta cũng chịu tác động từ bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Bên cạnh những diễn biến bất lợi từ thế giới thì các rủi ro kinh tế như lãi suất, lạm phát,... trong nước cũng tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm. Cụ thể:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%, cho thấy Chính phủ đã kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả và nỗ lực thực hiện để đạt được mục tiêu tăng trưởng. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,86%, đóng góp 2,91%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng với mức tăng 11,29%, đóng góp 2,33 điểm phần trăm.

Bên cạnh đó, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2019 so với năm 2018 của TP. Hồ Chí Minh tăng 8,17%. Những con số trên đã cho thấy tín hiệu khả quan cho nền kinh tế Việt Nam, đem lại những dấu hiệu đáng mừng và nhiều cơ hội cho BRC. Có thể nói đây vừa là động lực, vừa là thách thức cho Công ty trong năm 2020 khi việc hội nhập kinh tế trở nên sâu rộng hơn, thế giới.

Rủi ro lãi suất

Để phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, Công ty đã cân nhắc sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý. Và rủi ro lãi suất xuất phát từ các khoản tài trợ ngắn hạn của ngân hàng. Công ty luôn đề cao việc thực hiện quản trị rủi ro lãi suất vì biến động lãi suất có thể tăng gánh nặng chi phí và giảm lợi nhuận hoạt động Công ty. Trong năm 2019, lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6,0-9,0%/năm đối với ngắn hạn; 9,0-11%/năm đối với trung và dài hạn. Theo mặt bằng chung của thị trường, đây được xem là chi phí lãi vay hợp lý để các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn ngân hàng. Về phía doanh nghiệp, Công ty luôn thận trọng để đưa ra các quyết định hợp lý đối với việc chọn thời điểm và kỳ hạn vay thích hợp, phù hợp cơ cấu ngành để đạt các lãi suất thả nổi và cố định tối ưu nhất.



Rủi ro tỷ giá

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của BRC, phần lớn các loại nguyên phụ liệu để tạo ra thành phẩm đều được công ty nhập khẩu từ nước ngoài về, trong đó, Trung Quốc là thị trường chủ yếu cung cấp than đen và hóa chất cho BRC. Do vậy, Công ty phải chịu rất nhiều ảnh hưởng bởi những biến động của tỷ giá hối đoái, đặc biệt là sự biến động của đồng USD. Năm 2019, tỷ giá USD/VND khá ổn định và xoay quanh mức 23.000 đồng/USD. Vì vậy, BRC luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận hoạt động kinh doanh.



CÁC RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro giá nguyên vật liệu

BRC chịu rủi ro tương đối cao về nguyên vật liệu đầu vào khi mà giá dầu thô luôn biến động khó lường ảnh hưởng đến giá cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên. Cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên là nguyên liệu đầu vào chủ yếu của của BRC. Vì vậy, việc điều chỉnh giá các loại nguyên liệu này sẽ tác động rất lớn đến hoạt động của BRC. Bên cạnh đó, cao su tổng hợp là chế phẩm từ dầu thô nên có biến động cùng chiều với biến động giá dầu thế giới.

Rủi ro về pháp luật

Hoạt động chung của BRC chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,... Ngày 26/11/2019 vừa qua, Luật chứng khoán (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, do đó các quy định liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ các sản phẩm của BRC ngoài tiêu thụ trong nước còn xuất khẩu sang các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia..... Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đồng thời bị tác động bởi những Hiệp định: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CTPP), Hiệp định Thương mại giữa Việt Nam và Indonesia.....

Vì vậy, Công ty luôn cố gắng cập nhật những điều chỉnh về mặt pháp luật và chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân viên có thể nắm bắt các quy định mới nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì BRC còn chịu sự quản lý, chi phối của các hiệp hội,... Vì vậy, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước, sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Với mỗi văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh được sửa đổi, Công ty đều cập nhật kịp thời và nghiên cứu kỹ lưỡng để đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. BRC luôn cam kết luôn tuân thủ các quy định pháp luật trong mọi hoạt động của mình.

Công ty nhập khẩu từ nước ngoài chủ yếu sẽ bị tác động mạnh mẽ bởi sự biến động của giá dầu và chính sách thanh lọc các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại các nước sở tại. Vì thế, BRC luôn chú trọng đến vấn đề quản trị rủi ro giá cả nguyên vật liệu bằng cách thiết lập danh sách các nhà cung cấp có uy tín và mối quan hệ hợp tác lâu dài nhằm đàm phán được mức giá hợp lý nhất, tránh biến động và có nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định.



Rủi ro cạnh tranh

Kinh tế ngày càng phát triển, cùng với đó là áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp nội địa và các doanh nghiệp nước ngoài về giá cả lẫn chất lượng sản phẩm.

Năm 2019, cả nước có 138,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.730,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% về số doanh nghiệp, tăng 17,1% về vốn đăng ký và tăng 13,3% về số lượng lao động so với năm trước; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2019 đạt 12,5 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2018. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 17,2 nghìn doanh nghiệp mới đăng ký, tăng 6,2%.

Hiện nay, Cao su Bến Thành là thương hiệu sản xuất bằng tải uy tín và có thị phần lớn nhất Việt Nam, đặc biệt là sản phẩm bằng tải lõi thép. Tuy nhiên, Công ty đang phải cạnh tranh khá gay gắt với các doanh nghiệp Trung Quốc với giá thành rẻ hơn để duy trì và nâng cao vị thế của Công ty trong ngành. Chính vì thế, Công ty luôn không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm ngày càng hoàn thiện.



Rủi ro khác

Bên cạnh các vấn đề còn tồn tại của nền kinh tế, các rủi ro mang tính bất khả kháng như cháy nổ, thiên tai hỏa hoạn, còn gây tác động tiêu cực tới quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BRC chủ trương đặt tiêu chuẩn an toàn lao động lên hàng đầu, định kỳ tổ chức các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho công nhân nhằm phòng ngừa và hạn chế thấp nhất những hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản khi có sự cố xảy ra. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán nhằm nắm bắt được những thay đổi trong ngành kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Công ty.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	24
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	26
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	30
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	34
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN	35
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	36

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2018/ 2019	TH/KH 2019
1	Tổng doanh thu	234.395	236.230	271.452	115,81%	114,91%
2	Doanh thu thuần	232.974	233.730	269.908	115,85%	115,48%
3	Lợi nhuận trước thuế	21.260	22.040	24.615	115,78%	111,68%
4	Lợi nhuận sau thuế	16.981	17.632	19.576	115,28%	111,03%

Trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam năm 2019 đã có những bước tăng trưởng vượt bậc, Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành đã hoàn thành kế hoạch được triển khai và đó là nguồn động lực để Công ty tiếp tục đề ra những phương án phát triển mới góp phần củng cố vị thế và vươn lên trong tương lai. Hầu hết các chỉ tiêu trong năm của Công ty đều đạt kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu năm 2019 đạt 271.452 triệu đồng, tăng 15,81% so với cùng kỳ nguyên nhân do Công ty chú trọng tăng cường công tác bán hàng và mở rộng thị trường xuất khẩu nên sản lượng tiêu thụ của Công ty tăng, cụ thể băng tải xuất khẩu tăng 514% so với năm 2018.

Sản lượng sản xuất năm 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH 2019/2018	TH/KH 2019
Tình hình sản xuất						
Băng tải lõi vải	m ²	104.694	100.000	163.224	155,91%	163,22%
Băng tải lõi thép	m ²	7.753	10.000	12.260	158,13%	122,60%
Dây courroie	inch	33.874.406	33.000.000	22.877.830	67,54%	69,33%
Cao su kỹ thuật	kg	1.062.107	1.050.000	1.133.188	106,69%	107,92%
Tình hình tiêu thụ						
Băng tải lõi vải	m ²	101.262	102.000	156.708	154,75%	153,64%
Băng tải lõi thép	m ²	8.911	10.000	12.416	139,33%	124,16%
Dây courroie	inch	30.660.456	34.000.000	22.195.418	72,39%	65,28%
Cao su kỹ thuật	kg	1.009.048	1.050.000	1.075.143	106,55%	102,39%

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2018	Năm 2019	% Năm 2019/ Năm 2018
1	Bán hàng hóa	1.624	4.495	276,79%
2	Bán sản phẩm cao su	231.363	265.435	114,73%
3	Hàng bán bị trả lại	(13)	(22)	-
Tổng cộng		232.974	269.908	115,85%

Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Giá vốn	Năm 2018	Năm 2019	% Năm 2019/ Năm 2018
1	Băng tải lõi vải	102.661	129.591	126,23%
2	Băng tải lõi thép	18.108	20.937	115,62%
3	Courroir	13.497	11.007	81,55%
4	Cao su kỹ thuật	32.292	32.868	101,78%
5	Hàng hóa	1.231	3.825	310,72%
6	Dịch vụ	2.722	835	30,68%
Tổng cộng		170.511	199.063	116,74%

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2018	Năm 2019	% Năm 2019/ Năm 2018
1	Băng tải lõi vải	26.081	38.581	147,93%
2	Băng tải lõi thép	5.486	7.383	134,58%
3	Courroir	4.629	3.229	69,76%
4	Cao su kỹ thuật	16.919	12.224	72,25%
5	Hàng hóa	393	670	170,48%
6	Dịch vụ	8.955	8.759	97,81%
Tổng cộng		62.463	70.845	113,42%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**Danh sách Ban Điều hành**

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng giám đốc
2	Bà Lưu Thị Tố Như	Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Lý lịch Ban Điều hành**ÔNG NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ - TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Ngày sinh: 12/8/1967
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:
 - 1991 – 2002 : Quản đốc xưởng để giày Công ty công nghiệp Cao su Rubimex
 - 2002 - 2005 : Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
 - 2006 – 2007 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
 - 2007 - 2016 : Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
 - 2016 đến nay : Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
- Số cổ cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 16.698 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ

**BÀ LƯU THỊ TỐ NHƯ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Ngày sinh: 11/21/1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 2002 – 2005 : Kế toán tổng hợp tại DNTN In Hồng Phúc
 - 2006 – 2007 : Kế toán thanh toán tại Công ty Cao su Bến Thành
 - 2007 – đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
 - 2017 – đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- Số cổ cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 1.050 cổ phiếu, chiếm 0,0085% vốn điều lệ

**Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2019**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Minh	Chủ tịch HĐQT	01/04/2019	
2	Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT		01/04/2019
3	Ông Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	01/04/2019	
4	Bà Vy Thùy Vân	Kiểm soát viên		01/04/2019
5	Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Kiểm soát viên	01/04/2019	



Số lượng cán bộ công nhân viên (tại ngày 31/12/2019)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	180	100,00%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	41	23%
2	Trình độ trung cấp	6	3%
3	Trình độ lao động phổ thông	133	74%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	180	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn thời hạn	118	66%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	62	34%
III	Theo tính chất lao động	180	100,00%
1	Trực tiếp sản xuất	113	63%
2	Không trực tiếp sản xuất	67	37%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân	Đồng /người/tháng	7.350.000	8.100.000	8.370.000	10.165.000

Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên của BRC tại đến ngày 31/12/2019 là 180 người. Trong đó, phân theo trình độ lao động, chiếm tỷ trọng lớn nhất là lao động phổ thông là 133 người, chiếm 74%.

Thu nhập bình quân của người lao động tại BRC trong năm 2019 gần 10,2 triệu đồng/người/tháng tăng 21% so với năm 2018.



Chính sách nhân sự

Môi trường làm việc

Tại BRC, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình. Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khoá đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn bằng công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. Ngoài ra, Công ty còn ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.

Chính sách phúc lợi

100% lao động của BRC có ký kết hợp đồng lao động, chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, bảo hộ lao động và các chế độ chính sách khác như khám sức khoẻ định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động cũng luôn được đảm bảo kịp thời theo đúng quy định. Ngoài việc đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, 100% người lao động được mua Bảo hiểm tai nạn 24 giờ; BRC còn không ngừng nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động nhằm nâng cao hiệu suất làm việc như các chương trình cân bằng công việc và cuộc sống như tham quan, nghỉ mát, tặng quà cho người lao động nhân các dịp sinh nhật, lễ, Tết,... Ngoài chăm lo đời sống văn thể mỹ cho người lao động, BRC còn quan tâm đến thân nhân của nhân viên như tặng quà cho con của người lao động vào các dịp Quốc tế Thiếu nhi, Trung thu, Tổng kết năm học,...

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Kết quả kinh doanh năm 2019**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% 2019/2018
1	Tổng giá trị tài sản	266.491	268.985	100,94%
2	Doanh thu thuần	232.974	269.908	115,85%
3	Chi phí tài chính	1.833	2.569	140,15%
4	Chi phí bán hàng	29.029	33.883	116,72%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.680	11.115	95,16%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.402	1.212	86,43%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.322	24.483	114,82%
8	Lợi nhuận khác	(62)	133	-
9	Lợi nhuận trước thuế	21.260	24.615	115,78%
10	Lợi nhuận sau thuế	16.981	19.576	115,28%
11	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	10	10	100,00%

Nhìn chung, năm 2019 đánh dấu một năm hoạt động hiệu quả của BRC, doanh thu thuần đạt gần 270 tỷ đồng; tăng 15,85% so với cùng kỳ. Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ sản phẩm: băng tải và dây courroie, cho thấy Ban lãnh đạo vẫn đi đúng hướng, tập trung vào ngành, nghề chuyên môn và phát triển hơn nữa cả theo chiều sâu và chiều rộng. Chi phí quản lý doanh nghiệp được kiểm soát chặt chẽ và có sụt giảm đáng kể. Lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng trưởng mạnh do Công ty chú trọng công tác bán hàng và mở rộng thị trường xuất khẩu.

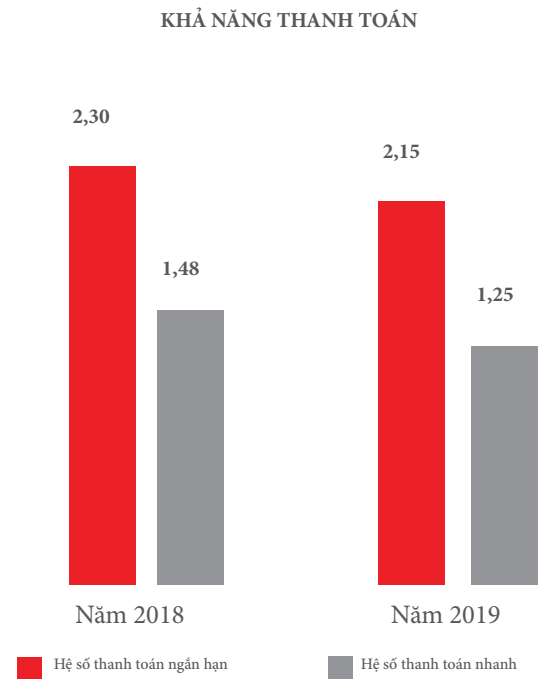
**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,30	2,15
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,48	1,25
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	25,18	24,22
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,65	31,96
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,32	3,51
-	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,89	1,01
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,29	7,25
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,52	9,60
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,49	7,31
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,15	9,07



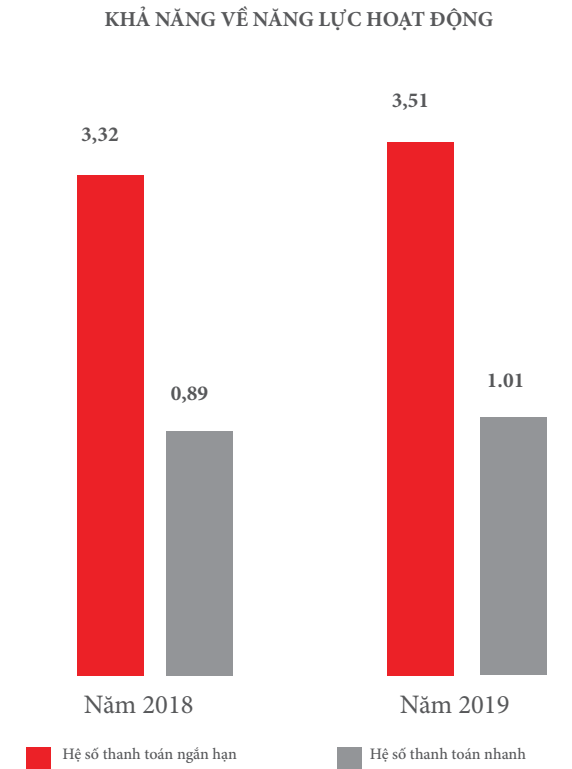
Về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn năm 2019 đạt 2,15 lần giảm nhẹ so với giá trị 2,30 lần năm 2018. Hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 1,25 lần năm 2018 xuống còn 1,48 lần. Nguyên nhân chính là do tài sản ngắn hạn của BRC trong năm 2019 giảm gần 9% so với cùng kì năm trước. Trong đó chủ yếu là do sự sụt giảm của khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng hơn 14 tỷ đồng. Tuy có sự sụt giảm so với năm 2018, các hệ số về khả năng thanh toán vẫn ở mức an toàn đồng thời công ty luôn duy trì được vốn lưu động ổn định giúp công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

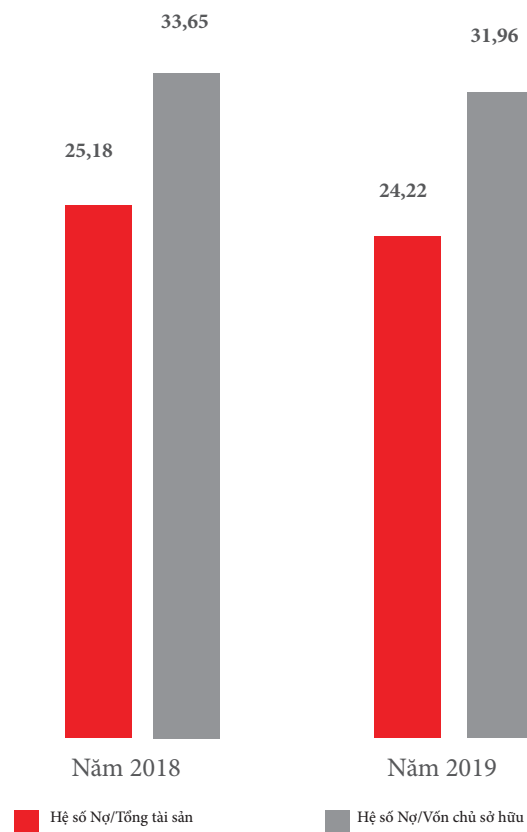


Về năng lực hoạt động

Trong năm 2019, công ty chú trọng công tác bán hàng, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu làm cho doanh thu bán hàng tăng gần 16% so với năm 2018. Điều đó làm hệ số vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,89 lên 1,01 vòng. Trong khi giá vốn hàng bán tăng 16,75% từ 170,5 tỷ lên hơn 199 tỷ đồng thì hàng tồn kho năm qua không nhiều biến động, dẫn đến hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 3,32 lên 3,51 vòng.



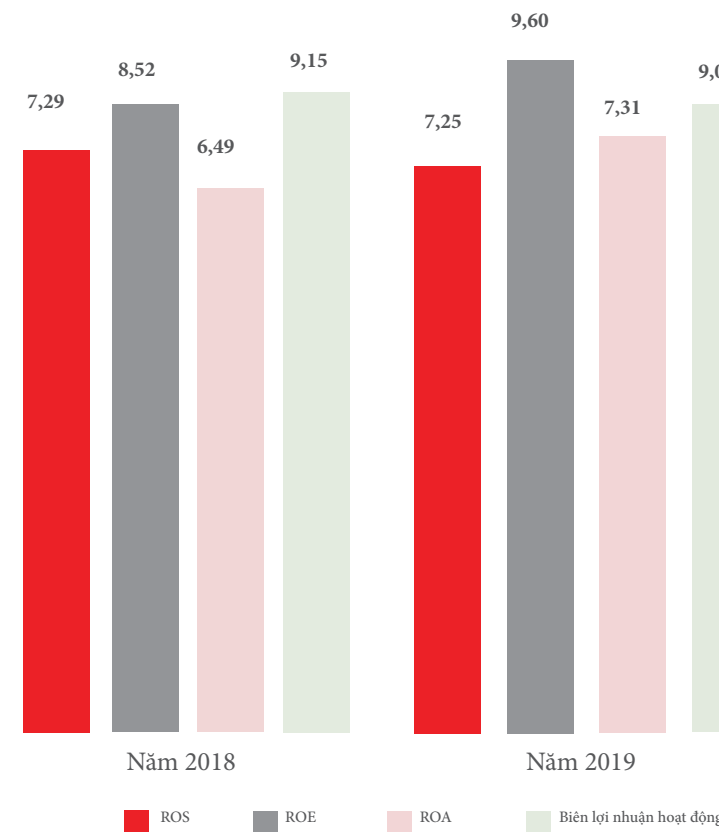
CƠ CẤU VỐN



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Với việc thanh toán khoản nợ dài hạn đến hạn trả từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn dẫn đến khoản nợ phải trả giảm hơn 2,9%. Trong khi tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu không biến động đáng kể đã giúp tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn Công ty giảm nhẹ, cụ thể: Hệ số nợ trên tổng tài sản đã giảm từ 25,18% xuống còn 24,22%, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đã giảm từ 33,65% xuống còn 31,15%. Có thể thấy cơ cấu vốn của Công ty khá an toàn, tỷ lệ sử dụng nợ khá thấp so với các Doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



Về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời thể hiện rất tốt so với năm 2018. Trong năm nhờ vào chủ trương tập trung mở rộng thị phần nên sản lượng tiêu thụ sản phẩm đã tăng so với năm 2018 cụ thể bằng tài lợi vài tăng 54,75%, bằng tài lợi thép tăng 39,33%, cao su kỹ thuật tăng 6,55%. Lũy kế cả năm 2018, BRC đạt gần 270 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 15,85% so với cùng kỳ, LNST đạt gần 20 tỷ đồng tăng 15,28% so với năm 2018.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.374.997 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.374.997 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	262	12.320.687	99,56
	- Tổ Chức	09	11.202.836	90,53
	- Cá nhân	253	1.117.851	9,03
2	Cổ đông nước ngoài	9	54.310	0,44
	Tổng cộng	271	12.374.997	100,00

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ /VĐL
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần	6.045.658	48,86%
2	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	2.457.578	19,86%
3	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.310.000	18,67%
	Tổng cộng	10.813.236	87,39%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2019, Công ty chú trọng công tác bán hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu nên Công ty không chú trọng đầu tư thực hiện các dự án.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ
1	Chi phí NVL sản xuất băng tải lõi vải	89.435.616.619	115.131.390.289
3	Chi phí NVL sản xuất courroie	11.540.239.850	7.535.255.771
4	Chi phí NVL sản xuất cao su kỹ thuật	18.862.474.559	33.518.852.911
Tổng cộng		119.838.331.028	156.185.498.971

Chi phí tiêu thụ năng lượng

	ĐVT	2017	2018	2019
Điện cho sản xuất	Đồng	3.324.873.762	4.403.748.876	7.891.648.250

Chi phí sử dụng nhiên liệu

STT	Nhiên liệu	ĐVT	2018	2019
1	Nhớt các loại	Đồng	685.982.293	656.769.425
2	Xăng A92, Toluen	Đồng	1.366.168.119	1.256.927.874
3	Than đá	Đồng	10.117.084.200	6.957.930.000

Tình hình tiêu thụ nước

	ĐVT	2017	2018	2019
Nước cho sản xuất	Đồng	404.990.472	308.881.233	266.599.763

Chính sách liên quan đến người lao động

Mức lương trung bình hơn 10 triệu đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Chính sách lao động luôn hướng tới mục tiêu đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho người lao động; các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc,...
- Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động nhất là công tác phòng cháy chữa cháy.
- Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2019, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức cho người lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành luôn coi trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng mà Công ty quan tâm thực hiện và đảm bảo thực hiện. Trong năm 2019 vừa qua, quá trình khai thác và sản xuất vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, tuy nhiên không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe,... trong phạm vi hoạt động. Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện,... đặc biệt trong vùng hoạt động chính của Công ty tại huyện Củ Chi,...



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	40
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	41
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	42
CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN	43

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những thuận lợi, khó khăn



Thuận lợi

- Trong bối cảnh có sự giảm tốc của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng năm 2019 đạt 7,02%, vượt chỉ tiêu được giao.
- Toàn ngành công nghiệp năm 2019 tăng 9,1%, trong đó động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 11,29%.
- Mặc dù tăng trưởng cao nhưng lạm phát trong tầm kiểm soát -2,7%. Môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh không ngừng được cải thiện. Với việc thực hiện đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ duy trì kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và ổn định thị trường tiền tệ đã tạo thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung và Cao su Bến Thành nói riêng.
- Ngành Khai thác than và Khoáng sản: đã hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Sản lượng sản xuất 40,5 triệu tấn đạt 101,3% kế hoạch và tăng 9% so với năm 2018, tiêu thụ 44 triệu tấn đạt 107% kế hoạch và tăng 8% so với năm 2018.
- Ngành Xi măng: tổng lượng tiêu thụ khoảng 97-98 triệu tấn tăng 2% so với năm 2018.
- Ngành Sản xuất gạo: sản xuất ổn định và xuất khẩu đã tăng 6,1% so với cùng kỳ.
- Cùng với yếu tố thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ làm tăng tỷ trọng xuất khẩu góp phần ổn định và tăng tiêu thụ sản phẩm của Cao su Bến Thành.

Khó khăn

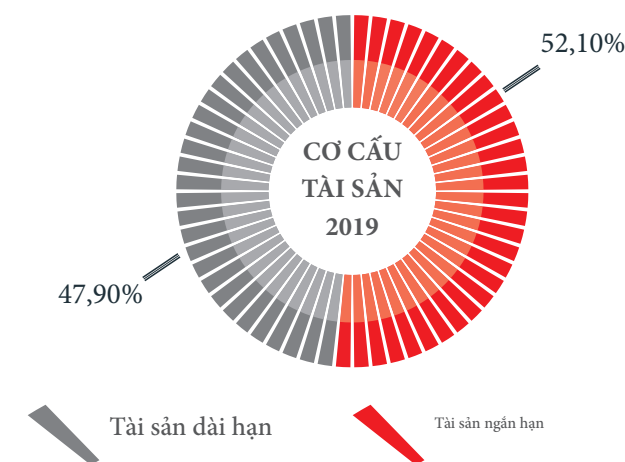
- Bên cạnh việc cạnh tranh ngày càng tăng của các đối thủ trong nước, sản phẩm của Công ty còn phải cạnh tranh với nguồn nhập khẩu từ Trung Quốc, các công ty thương mại và nguồn băng tải đã qua sử dụng. Bên cạnh đó, đồng nhân dân tệ mất giá khoảng ,5% (mức thấp nhất trong 11 năm qua). Làm cho sự cạnh tranh với hàng Trung Quốc càng khó hơn.
- Ngành Khai thác than và Khoáng sản: Nhu cầu thị trường tiêu thụ tăng cao nhưng năng lực sản xuất khai thác của các mỏ đã đến giới hạn, điều kiện khai thác ngày càng khó khăn.
- Ngành Phân bón: Với bối cảnh ngành đang bão hòa, thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt với hàng nhập khẩu, chủ yếu đến từ Trung Quốc, Nga, Indonesia do lợi thế công nghệ sản xuất và đa phần là các nước thuộc Asian được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0%.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	tăng/giảm %	Tỷ trọng 31/12/2018	Tỷ trọng 31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	153.782	140.153	(8,86%)	57,71%	52,10%
Tài sản dài hạn	112.709	128.833	14,31%	42,29%	47,90%
Tổng tài sản	266.491	268.985	0,94%	100,00%	100,00%

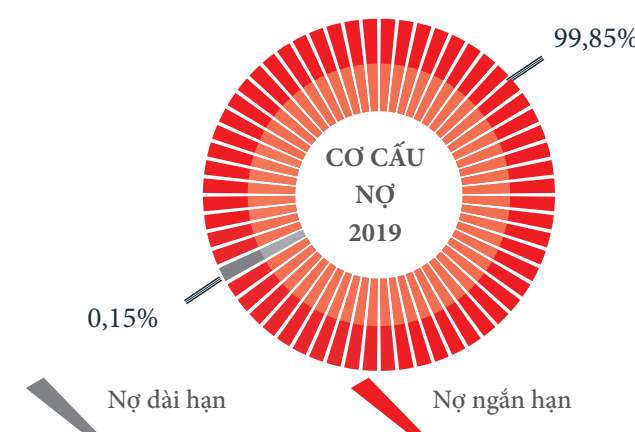


Cơ cấu tài sản không có nhiều thay đổi, khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, theo đó khoản mục này chiếm 52,10% trong năm 2019. Trong năm 2019, tài sản ngắn hạn của BRC giảm nhẹ 8,86% nguyên nhân chính do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm gần 18%. Trong khi tài sản dài hạn có sự gia tăng 14,31% do Công ty trả trước tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Củ Chi.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	tăng/giảm %	Tỷ trọng 31/12/2018	Tỷ trọng 31/12/2019
Nợ ngắn hạn	67.001	65.041	(2,93%)	99,85%	99,85%
Nợ dài hạn	100	100	-	0,15%	0,15%
Tổng nợ phải trả	67.101	65.141	(2,92%)	100,00%	100,00%



Tình hình nợ phải trả trong năm cũng có giảm nhẹ. Trong cơ cấu nợ của BRC chủ yếu vẫn là nợ ngắn hạn. Trong năm nợ ngắn hạn giảm khoảng 2,93% so với năm 2018 là do Công ty đã trả 13,2 tỷ đồng khoản nợ vay dài hạn đến hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn. Trong khi nợ dài hạn của Công ty vẫn duy trì ở mức 100 triệu đồng từ việc nhận ký gửi, ký cược dài hạn từ năm 2018.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	KH2019/TH2019 (%)
I	SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Sản lượng sản xuất				
	Băng tải vải	m ²	163.224	158.500	97
	Băng tải lõi thép	m ²	12.260	12.500	102
	Courroie	inch	22.877.830	25.000.000	109
	Cao su kỹ thuật	Kg	1.133.188	1.170.000	103
2	Sản lượng Tiêu thụ				
	Sản phẩm chính các loại				
	Băng tải	m ²	156.708	158.500	101
	Băng tải lõi thép	m ²	12.416	12.500	101
	Courroie	inch	22.195.418	25.000.000	113
	Cao su kỹ thuật	Kg	1.075.143	1.170.000	109
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	271.430	274.013	101
	Doanh thu chính	Tr.đ	269.908	270.813	100
	Trong đó: Doanh thu xuất khẩu	Tr.đ	70.794	69.450	98
	Doanh thu khác	Tr.đ	1.522	3.200	210
4	Kết quả kinh doanh	Tr.đ	24.615	25.139	102
5	Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đ	28.608	28.300	99
II	XUẤT NHẬP KHẨU				
1	Kim ngạch nhập khẩu	1.000USD	2.166	2.400	111
2	Kim ngạch xuất khẩu	1.000USD	3.056	3.100	101
III	ĐẦU TƯ				
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tr.đ	1.811	11.100	613
a	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	1245	7.150	574
	Máy móc, thiết bị, khuôn mẫu	Tr.đ	734	7.150	974
b	Sửa chữa máy móc, thiết bị; vật tư, phụ tùng dự phòng	Tr.đ	566	3,950	698
2	Nguồn vốn đầu tư	Tr.đ	1.811	11.100	613
	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	1.811	11.100	613
IV	CHỈ TIÊU KHÁC				
	Tổng số lao động bình quân	Người	179	185	103
	Cổ tức	%	10	10	100

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Công tác điều hành sản xuất

- Tiếp tục tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng Iso 9001:2015 cũng như tuân thủ các quy trình quy định, thông số kỹ thuật được ban hành.
- Duy trì chính sách dự trữ vật tư hợp lý. Tìm kiếm thêm các nhà cung cấp phù hợp: chất lượng tốt, nguồn cung cấp ổn định đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất, để mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng các biện pháp quản lý nhằm tăng được năng suất lao động, tiết giảm chi phí năng lượng, tiết kiệm điện trong sản xuất.
- Duy trì công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và trang bị bảo hộ lao động đầy đủ.
- Triển khai kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị một cách hiệu quả đảm bảo cho quá trình sản xuất.
- Cải thiện hơn nữa điều kiện môi trường làm việc.

Công tác tài chính:

- Tuân thủ đầy đủ các quy trình ban hành: quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ.
- Thực hiện đầy đủ báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và báo cáo tài chính năm chính xác và kịp thời.
- Quản lý chặt chẽ khoản phải thu, phải trả và duy trì mức tồn kho hợp lý.
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ.

Công tác bán hàng:

- Công ty tiếp tục việc quảng bá sản phẩm băng tải dây courroie trên phương tiện truyền thông internet, tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm nhằm tăng thị phần trong nước và tỷ trọng xuất khẩu.
- Chăm sóc thật tốt các khách hàng hiện có trong ngành khai thác than khoáng sản, Xi măng, Phân bón, Nhiệt điện và Cơ khí và thực hiện các công việc sau bán hàng kịp thời và hiệu quả.
- Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán để tăng vòng quay khoản phải thu và tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Nhanh chóng tiếp cận các khách hàng lớn trong năm:
 - Đối với sản phẩm Cao su kỹ thuật: Từ các khách hàng sử dụng băng tải để phát triển thêm khách hàng sản phẩm Cao su kỹ thuật, đặc biệt là các khách hàng nước ngoài. Chú trọng tăng tỷ trọng xuất khẩu cao su lát sàn và tấm chắn bùn.
 - Riêng sản phẩm dây courroie: cố gắng tìm kiếm khách hàng nước ngoài để tăng tiêu thụ.

Công tác bán hàng:

Đầu tư xây dựng cơ bản

- Đầu tư máy lưu hóa băng tải khổ 2m, kích thước 2mx3m, trị giá 4.950 triệu.
- Đầu tư máy ép 6 tầng 800 tấn, trị giá 1.600 triệu.
- Đầu tư máy đo độ nhớt, trị giá 600 triệu.

Công tác nghiên cứu cải tiến, áp dụng khoa học kỹ thuật:

- Nghiên cứu giảm giá thành compound cho băng tải lõi thép.
- Nghiên cứu tăng chất lượng băng tải va đập, băng tải chịu tải trọng lớn.
- Thường xuyên kiểm soát các thông số kỹ thuật trong quá trình sản xuất để ổn định chất lượng sản phẩm.
- Nghiên cứu cải tiến, tăng chất lượng mối nối liền tròn băng tải chịu nhiệt độ 1800C.
- Nghiên cứu thiết kế quy trình cấp liệu máy ói đùn, nhằm tăng chất lượng cao su mặt băng tải, tăng tuổi thọ máy và tăng năng suất.
- Tìm hiểu và áp dụng công nghệ định hình bao dán tự động dành cho sản phẩm dây courroie để tăng năng suất.

Sửa chữa máy móc, thiết bị, nhà xưởng; vật tư, phụ tùng dự phòng

Sửa chữa máy móc, thiết bị, nhà xưởng; vật tư, phụ tùng dự phòng

- Thay mới thân máy luyện kín 75 lít, trị giá 2.550 triệu.
- Tổng giá trị đầu tư kế hoạch năm 2020: 11,1 tỷ đồng.

- Thay mới thân máy luyện kín 75 lít, trị giá 2.550 triệu.
- Tổng giá trị đầu tư kế hoạch năm 2020: 11,1 tỷ đồng.

Tổng giá trị đầu tư kế hoạch năm 2020: 11,1 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	46
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY	47
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	48

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2019 thực hiện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019
1	Tổng tài sản	Đồng	268.985.226.086
2	Nợ phải trả	Đồng	65.140.980.238
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	203.844.245.848
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,31
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,60
6	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	31,96



Năm qua, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được nhiều thành công. Chỉ tiêu doanh thu và cả lợi nhuận không những có sự tăng trưởng mà còn hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Theo đó, ROA và ROE lần lượt là 7,310% và 9,60%. Năm 2019, tài sản và vốn chủ sở hữu chỉ tăng ở mức tương đối nhưng đem lại lợi nhuận tăng vượt bậc 115,29% so với cùng kỳ năm 2018. Có thể thấy được, Công ty đang hoạt động hiệu quả, sử dụng tài sản và nguồn vốn tối ưu để đạt được những kết quả thành công trong năm. Để có được kết quả hoạt động trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phải định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai các phương án theo dõi quản trị, cũng như kiểm soát chặt chẽ các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh. Qua đó, các công tác về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất năm đã được định hướng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Về hoạt động giám sát của Ban điều hành

- Ban Điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT theo Điều lệ và các quy định của pháp luật;
- Công tác giám sát, hỗ trợ các đơn vị trong sản xuất kinh doanh được thực hiện sát sao thông qua việc đánh giá các kết quả, các chỉ tiêu hàng tháng, hàng quý; phát hiện kịp thời các thiếu sót, các bất cập và có những điều chỉnh phù hợp;
- Tổ chức cập nhật và điều chỉnh chiến lược Công ty trong năm 2019 đến đội ngũ quản lý.
- Ban Điều hành đã báo cáo thường xuyên cho HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình đầu tư các dự án;
- Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo, qua đó giám sát chặt chẽ Ban điều hành về kết quả hoạt động của công ty. Ban điều hành công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt nghị quyết, quyết định của HĐQT trong điều hành sản xuất, kinh doanh.
- Chủ động việc đẩy mạnh công tác thị trường, khảo sát thị trường, chăm sóc khách hàng và chế độ hậu mãi. Chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường. Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020, Hội đồng quản trị tập trung công tác nâng cao chất lượng quản trị công ty và điều hành của Tổng giám đốc. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thống nhất mục tiêu kế hoạch là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Những giải pháp cơ bản tập trung vào các vấn đề sau:

- Công ty triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Về quản lý: Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản trị tài chính; quản trị các chi phí theo đúng quy định. Nâng cao ý thức trách nhiệm của ban điều hành và người lao động. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng tinh chuyên nghiệp trong nghiệp vụ, sản xuất.
- Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển. Tăng cường công tác tiếp thị, chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường, mở rộng thị trường trong, ngoài nước, trong đó tập trung công tác xuất khẩu và quan hệ thương mại với các đối tác nước ngoài. Tập trung phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và khẳng định thương hiệu công ty;
- Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm chi phí – tăng thu nhập cho người lao động.
- Tiếp tục duy trì và phát huy Hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng mặt hàng; đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý và sản xuất.
- Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mang hàm chất xám cao, sản phẩm mới. Chú trọng việc tăng trưởng của công ty, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.
- Bên cạnh đó, Công ty tích cực hoàn thiện quy chế bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty và cán bộ nội bộ.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.





PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52
BAN KIỂM SOÁT	58
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	61



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Trần Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Diệp Xuân Cường	Thành viên Hội đồng quản trị

Lý lịch Hội đồng quản trị

ÔNG TRẦN MINH - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 01/01/1960
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:
 - 06/1985 – 02/1987 : Kỹ thuật Xí nghiệp Công đoàn – Cơ biến Công ty Cao su Lộc Ninh
 - 04/1987 – 02/1990 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Công đoàn – Chế biến Công ty Cao su Lộc Ninh
 - 03/1990 – 09/1992 : Giám đốc Xí nghiệp Công đoàn – Chế biến Công ty Cao su Lộc Ninh
 - 10/1992 – 12/1998 : Trợ lý Công nghiệp, Công ty cao su Lộc Ninh
 - 01/1999 – 12/2003 : Trưởng phòng Kỹ thuật – Xây dựng cơ bản, Công ty Cao su Lộc Ninh
 - 01/2004 – 01/2009 : Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Cao su Lộc Ninh
 - 02/2009 – 09/2012 : Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí – Chế biến Lộc Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
 - 10/2012 – 08/2013 : Phó Trưởng ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
 - 09/2013 – 05/2016 : Phó Trưởng ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
 - 06/2016 – đến nay : Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đại diện nắm giữ: 4.189.408 cổ phiếu, chiếm 38,85% vốn điều lệ



ÔNG VŨ QUỐC VINH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 14/04/1962
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
 - 12/1985 - nay : Công tác tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên
- Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu



ÔNG PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 02/02/1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán, CFO
- Quá trình công tác:
 - 1981 - 1985 : Kế toán tổng hợp
 - 1985 - 1996 : Kế toán tổng hợp tại Công ty Xi măng Hà Tiên 1
 - 1996 – 2001 : Phó phòng Kế toán - Thống kê tài chính Công ty Xi măng Hà Tiên 1
 - 2001 – 2003 : Phụ trách phòng Kế toán - Thống kê tài chính Công ty Xi măng Hà Tiên 1
 - 2003 – 2009 : Trưởng phòng Kế toán - Thống kê tài chính
 - 2009 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu

**ÔNG DIỆP XUÂN TRƯỜNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Ngày sinh: 21/02/1980
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ điện Nông nghiệp
- Quá trình công tác:
 - 4/2005 – 12/2008 : Nghiên cứu viên - Phòng đo lường tự động hóa Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch
 - 01/2009 – 12/2010 : Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
 - 12/2010 – 11/2018 : Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
 - 12/2018 - nay : Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu



ÔNG NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: xem lý lịch Ban điều hành

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không dự họp
1	Trần Minh	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Bận công tác
3	Vũ Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Bận công tác
4	Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT	4/4	100%	



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	270/QĐ-HĐQT	15/02/2019	Quyết định chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo NĐ 157/2018/NĐ-CP đối với ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
2	271/QĐ-HĐQT	15/02/2019	Quyết định chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo NĐ 157/2018/NĐ-CP đối với bà Lưu Thị Tố Như
3	272/QĐ-HĐQT	15/02/2019	Quyết định chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo NĐ 157/2018/NĐ-CP đối với bà Dương Hoài Trinh
4	273/QĐ-HĐQT	19/02/2019	Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2019
5	274/QĐ-HĐQT	22/02/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2018
6	275/QĐ-HĐQT	22/02/2019	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và viên chức quản lý không chuyên trách năm 2018
7	276/QĐ-HĐQT	28/02/2019	Quyết định về việc xếp lương đối với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng công ty
8	277/NQ-HĐQT	19/3/2019	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2019
9	286/QĐ-HĐQT	08/4/2019	Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức năm 2018
10	287/QĐ-HĐQT	08/4/2019	Quyết định về việc khen thưởng năm 2018
11	289/NQ-HĐQT	20/5/2019	Nghị quyết phiên họp HĐQT quý 1/2019
12	290/QĐ-HĐQT	20/5/2019	Quyết định về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019
13	291/QĐ-HĐQT	20/5/2019	Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin
14	292/QĐ-HĐQT	20/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Mua bộ motor DC 20HP và DC 05 HP
15	293/QĐ-HĐQT	20/5/2019	Quyết định về việc phê duyệt báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Mua máy nung dầu
16	295/NQ-HĐQT	13/6/2019	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại ngân hàng BIDV
17	296/QĐ-HĐQT	14/6/2019	Quyết định về phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2019
18	297/QĐ-HĐQT	14/6/2019	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và viên chức quản lý không chuyên trách năm 2019
19	298/QĐ-HĐQT	18/6/2019	Quyết định quy hoạch cán bộ lãnh đạo công ty



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
20	300/QĐ-HĐQT	29/8/2019	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng công ty giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026
21	301/NQ-HĐQT	30/8/2019	Nghị quyết HĐQT Quý 2/2019
22	302/NQ-HĐQT	17/9/2019	Nghị quyết về việc bổ sung hạng mục đầu tư năm 2019
23	303/QĐ-HĐQT	18/9/2019	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Mua máy luyện kín thí nghiệm 3L và Xe tải 2 tấn
24	304/QĐ-HĐQT	11/10/2019	Quyết định về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
25	305/QĐ-HĐQT	25/10/2019	Quyết định về việc phê duyệt danh sách rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý công ty giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026
26	307/QĐ-HĐQT	30/10/2019	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư
27	308/NQ-HĐQT	19/11/2019	Nghị quyết HĐQT quý 3/2019
28	310/QĐ-HĐQT	05/12/2019	Quyết định về việc tạm ứng cổ tức năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Lương Thị Nguyệt Ánh	Kiểm soát viên
3	Bà Phạm Thị Thu Hường	Kiểm soát viên
4	Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Kiểm soát viên

Lý lịch Ban kiểm soát

BÀ DƯƠNG HOÀI TRINH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 30/12/1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:
 - 2002 – 2003 : Làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bảo Châu
 - 2003 – 2004 : Làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Nam Phát
 - 2004 – 2005 : Làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
 - 2008 đến nay : Làm việc tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 990 cổ phiếu, chiếm 0,0080% vốn điều lệ
- Số cổ phiếu đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu

BÀ LƯƠNG THỊ NGUYỆT ÁNH – KIỂM SOÁT VIÊN

- Ngày sinh: 01/07/1983
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 2004 - 2014 : Công tác tại Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
 - 04/2015 đến nay : Công tác tại phòng Kế hoạch Kinh doanh Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
- Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu

ÔNG TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG – KIỂM SOÁT VIÊN

- Ngày sinh: 24/10/1979.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:
 - 10/2003 đến nay : Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu



Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Phạm Thị Thu Hường	TV BKS	4/4	100%	
3	Lương Thị Ánh Nguyệt	TV BKS	4/4	100%	
4	Trần Nguyễn Huy Hùng	TV BKS	3/4	75%	Mới bổ nhiệm ngày 1/4/2019

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý, điều hành công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm, HĐQT tổ chức, duy trì đều đặn các buổi họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, nội dung chủ yếu của cuộc họp nhằm bàn bạc về việc thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, chiến lược phát triển Công ty, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thống nhất để ban hành các Nghị quyết, Quyết Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.



Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý, điều hành công ty. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban hàng tháng, thành phần tham dự bao gồm các trưởng, phó bộ phận, nội dung cuộc họp tập trung vào báo cáo kết quả thực hiện trong tháng, giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho từng bộ phận, qua đó đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời (nếu có), bên cạnh đó đề ra kế hoạch, phương hướng của tháng tiếp theo.
- Các quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền, luôn đảm bảo quyền lợi của công ty và của cổ đông. Trong năm không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người có liên quan, Ban kiểm soát cũng chưa thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Tổng Giám đốc đã tích cực, chủ động trong chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đạt kết quả tốt, đảm bảo việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người lao động.
- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện tốt trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát tiếp cận hồ sơ, phục vụ công việc kiểm tra, giám sát khi Ban kiểm soát yêu cầu.

Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các cổ đông trong năm 2019

- Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban điều hành trong các cuộc họp. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của Công ty. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong điều lệ hoạt động của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban điều hành phù hợp với mục tiêu của HĐQT và các chính sách, chế độ quy định.
- Trong năm vừa qua Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ ý kiến nào của các cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**Lương thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.000.000 đồng/người/tháng.
- Ban kiểm soát : 2.500.000 đồng/người/tháng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHẦN VI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	64
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	66
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	67

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 09 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
Ông Trần Công Kha	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
Ông Vũ Quốc Vinh	Ủy viên	
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Ủy viên	
Ông Diệp Xuân Trường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Thu Hường	Thành viên	
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên	
Bà Vy Thùy Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2020



Số: 130220.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được lập ngày 12 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2018-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2020

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		140.152.617.540	153.781.879.377
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	13.979.627.567	17.254.932.776
111	1. Tiền		8.979.627.567	6.254.932.776
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	11.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.000.000.000	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	3.000.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.269.960.280	78.340.075.927
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	62.760.835.248	72.753.477.920
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	4.126.758.046	7.999.974.042
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.181.237.362	917.960.862
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.798.870.376)	(3.331.336.897)
140	IV. Hàng tồn kho	09	58.721.856.495	54.823.877.665
141	1. Hàng tồn kho		58.721.856.495	54.823.877.665
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		181.173.198	362.993.009
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	181.173.198	41.834.669
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	321.158.340
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		128.832.608.546	112.709.087.222
220	II. Tài sản cố định		96.672.027.935	107.865.547.149
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	96.672.027.935	107.784.529.449
222	- Nguyên giá		237.009.442.115	233.753.558.241
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(140.337.414.180)	(125.969.028.792)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	81.017.700
228	- Nguyên giá		-	2.146.966.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(2.065.948.800)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	635.373.000	335.698.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		635.373.000	335.698.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.141.057.540	2.076.804.730
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	6.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.858.942.460)	(3.923.195.270)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		30.384.150.071	2.431.037.343
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	30.384.150.071	2.431.037.343
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		268.985.226.086	266.490.966.599

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		65.140.980.238	67.101.066.751
310	I. Nợ ngắn hạn		65.040.980.238	67.001.066.751
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	34.248.104.637	19.589.790.501
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.270.824.450	509.236.850
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.774.803.070	1.044.626.800
314	4. Phải trả người lao động		10.036.142.617	8.282.070.047
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	325.432.618	3.035.634.983
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.608.111.164	1.511.049.379
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	13.311.441.839	32.533.967.941
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.466.119.843	494.690.250
330	II. Nợ dài hạn		100.000.000	100.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	100.000.000	100.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		203.844.245.848	199.389.899.848
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	203.844.245.848	199.389.899.848
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		123.749.970.000	123.749.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		123.749.970.000	123.749.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.340.019.200	26.340.019.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		31.711.715.531	29.227.115.531
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.042.541.117	20.072.795.117
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.466.048.524	3.091.797.829
421b	LNST chưa phân phối năm nay		19.576.492.593	16.980.997.288
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		268.985.226.086	266.490.966.599

Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2020



Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	269.929.985.437	232.987.287.535
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	21.681.000	13.400.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		269.908.304.437	232.973.887.535
11	4. Giá vốn hàng bán	23	199.070.333.690	170.511.315.663
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.837.970.747	62.462.571.872
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.211.576.827	1.401.723.738
22	7. Chi phí tài chính	25	2.568.931.046	1.832.504.258
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.280.277.497	715.509.879
25	8. Chi phí bán hàng	26	33.883.118.600	29.029.147.613
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	11.114.921.884	11.680.187.135
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.482.576.044	21.322.456.604
31	11. Thu nhập khác	28	310.831.138	6.125.357
32	12. Chi phí khác	29	177.990.313	68.555.111
40	13. Lợi nhuận khác		132.840.825	(62.429.754)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.615.416.869	21.260.026.850
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	5.038.924.276	4.279.029.562
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		19.576.492.593	16.980.997.288
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.582	1.372

Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2020



Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.615.416.869	21.260.026.850
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.449.403.088	14.178.819.599
03	- Các khoản dự phòng		1.403.280.669	3.348.660.223
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		70.795.697	(116.743.154)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(609.316.439)	(784.190.075)
06	- Chi phí lãi vay		1.280.277.497	715.509.879
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.209.857.381	38.602.083.322
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.835.646.411	(11.033.988.747)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.897.978.830)	(6.974.861.167)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.133.592.835	7.547.784.052
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(28.092.451.257)	1.427.107.643
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.311.233.401)	(700.772.299)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.891.446.461)	(4.222.129.074)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(775.720.000)	(2.639.397.631)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		31.210.266.678	22.005.826.099
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.555.558.874)	(8.198.561.719)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	4.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		612.119.179	850.322.114
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.943.439.695)	(3.348.239.605)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		39.442.352.411	24.575.563.633
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(58.666.670.512)	(25.806.856.757)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.334.195.500)	(11.062.963.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(31.558.513.601)	(12.294.257.024)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.291.686.618)	6.363.329.470

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.254.932.776	10.774.860.152
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		16.381.409	116.743.154
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>13.979.627.567</u>	<u>17.254.932.776</u>


 Huỳnh Ngọc Sơn
 Người lập


 Lưu Thị Tố Như
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2020

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 09 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 123.749.970.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 123.749.970.000 đồng; tương đương 12.374.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất băng tải cao su, dây courroie.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	10 - 12	năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08	năm

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Báo cáo tài chính

Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Báo cáo tài chính

Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	97.889.490	629.693.703
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.635.827.577	5.606.239.073
Tiền đang chuyển	245.910.500	19.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	11.000.000.000
	<u>13.979.627.567</u>	<u>17.254.932.776</u>

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn với lãi suất 5,3%/năm.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-

Tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với lãi suất 5,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	6.000.000.000	(4.858.942.460)	6.000.000.000	(3.923.195.270)
	6.000.000.000	(4.858.942.460)	6.000.000.000	(3.923.195.270)

- Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo được thành lập và hoạt động tại tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất chỉ sợi cao su. Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo là 1,88%.

- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Than Dương Huy - CN Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	7.315.684.342	(286.975.559)	7.872.544.695	-
- Công ty Cổ phần Máy và Vật tư thiết bị Sài Gòn	4.970.125.690	-	1.306.549.890	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	7.728.298.600	-	6.013.851.360	-
- Công ty Cổ phần Than Vàng Danh	-	-	4.746.530.250	-
- Công ty AOI Rubber., Ltd	3.422.361.395	-	4.737.880.924	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	3.095.829.939	-	4.552.035.809	-
- VSRP VIAUSSUPERIOR RUBBER AND PLAST	3.431.838.467	(2.276.312.738)	3.812.156.337	(1.494.781.425)
- Các khách hàng khác	32.796.696.815	(1.161.291.657)	39.711.928.655	(1.836.555.472)
	62.760.835.248	(3.724.579.954)	72.753.477.920	(3.331.336.897)
	7.728.298.600	-	6.013.851.360	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN				
- Hixih Stell Wire Rope Co.,Ltd	769.757.690	-	463.491.219	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại TTH	587.692.400	-	246.907.936	-
- Công ty TNHH MTV TM DV Công Kha	524.220.400	-	-	-
- Sinoasian Trading International.,Ltd	208.001.420	-	2.341.002.718	-
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thương mại Việt Hưng	-	-	1.916.800.000	-
- Suzhou Shanghai Textile Co., Ltd	249.211.440	-	973.261.573	-
- Các đối tượng khác	1.787.874.696	-	2.058.510.596	-
	4.126.758.046	-	7.999.974.042	-

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	77.704.110	-	80.506.850	-
Tạm ứng	817.301.345	-	513.490.000	-
Ký cược, ký quỹ	36.334.485	-	128.931.000	-
Phải thu về hỗ trợ lãi vay (*)	175.607.000	-	120.742.590	-
Phải thu khác	74.290.422	(74.290.422)	74.290.422	-
	1.181.237.362	(74.290.422)	917.960.862	-

(*) Khoản chi phí lãi vay phục vụ dự án đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất bằng tải kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép được UBND TP. Hồ Chí Minh hỗ trợ toàn bộ theo chương trình kích cầu của Thành phố được ban hành theo Quyết định số 6127/QĐ-UBND ngày 17/12/2011 của UBND TP. Hồ Chí Minh. Khoản lãi vay này sẽ được hỗ trợ toàn bộ với mức lãi suất thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiền bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian 7 năm kể từ ngày 07/12/2012 cộng thêm chi phí quản lý từ 1% đến 2%. Khoản lãi vay vượt mức lãi suất hỗ trợ được Công ty đưa vào chi phí tài chính trong năm sau khi dự án bằng tải lõi thép đi vào hoạt động.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- Công ty VSIP Viaus Superior Rubber And Plast	3.431.838.467	1.155.525.729	3.174.801.186	1.680.019.761
- Công ty TNHH MTV Nhóm Đất Nông	241.993.400	120.996.700	517.672.100	362.370.470
- Các khoản khác	4.402.328.119	3.000.767.181	3.027.976.074	1.346.722.232
	8.076.159.986	4.277.289.610	6.720.449.360	3.389.112.463

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.992.265.680	-	29.285.052.821	-
Công cụ, dụng cụ	129.578.417	-	320.771.974	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.489.268.118	-	2.977.383.435	-
Thành phẩm	21.365.404.087	-	18.271.409.685	-
Hàng hoá	291.172.022	-	227.330.022	-
Hàng gửi đi bán	5.454.168.171	-	3.741.929.728	-
	58.721.856.495	-	54.823.877.665	-

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Máy lưu hóa CR dài	-	335.698.000
- Máy ép cao su thủy lực	635.373.000	-
	635.373.000	335.698.000

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.151.496.717	184.076.032.969	12.299.719.490	226.309.065	233.753.558.241
- Mua trong năm	-	257.687.500	-	-	257.687.500
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.984.639.953	1.013.556.421	-	2.998.196.374
Số dư cuối năm	37.151.496.717	186.318.360.422	13.313.275.911	226.309.065	237.009.442.115
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.914.694.112	103.238.750.070	7.621.734.712	193.849.898	125.969.028.792
- Khấu hao trong năm	1.895.011.980	11.639.252.051	820.771.357	13.350.000	14.368.385.388
Số dư cuối năm	16.809.706.092	114.878.002.121	8.442.506.069	207.199.898	140.337.414.180
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	22.236.802.605	80.837.282.899	4.677.984.778	32.459.167	107.784.529.449
Tại ngày cuối năm	20.341.790.625	71.440.358.301	4.870.769.842	19.109.167	96.672.027.935

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 40.067.164.179 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.809.005.806 VND.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	32.010.438	34.478.869
Chi phí sửa chữa tài sản	149.162.760	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	7.355.800
	181.173.198	41.834.669
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi (*)	26.374.156.494	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.376.442.787	1.119.247.397
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.351.529.656	1.311.789.946
Chi phí trả trước dài hạn khác	282.021.134	-
	30.384.150.071	2.431.037.343

(*) Công ty thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi từ năm 1999 với thời hạn thuê ban đầu là 20 năm. Trước đây, Công ty theo dõi khoản tiền thuê đất này trên khoản mục "Tài sản cố định vô hình" với nguyên giá đúng bằng số tiền thuê đất phải trả là 2.146.966.500 VND. Đến năm 2019, khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty tiến hành gia hạn thêm thời gian thuê đến năm 2048 và theo dõi số tiền thuê đất phải trả trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn".

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	16.823.949.345	16.823.949.345	20.347.652	20.347.652
- Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	4.778.614.500	4.778.614.500	3.896.520.100	3.896.520.100
- Công ty TNHH vận tải Hành Tinh Xanh	1.524.050.000	1.524.050.000	1.042.250.000	1.042.250.000
- Công ty TNHH VT-TM XNK Dương Nguyên	1.338.882.600	1.338.882.600	2.254.041.900	2.254.041.900
- Công ty TNHH Bảo Tượng	278.256.000	278.256.000	1.632.928.800	1.632.928.800
- Phải trả các đối tượng khác	9.504.352.192	9.504.352.192	10.743.702.049	10.743.702.049
	34.248.104.637	34.248.104.637	19.589.790.501	19.589.790.501

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Mulhern Belting, Inc-New Jersey	557.300.577	-
- Công ty TNHH Cung ứng thiết bị máy PU	324.026.000	24.026.000
- SCANDIA USA MIDWEST LLC	114.473	485.210.850
- Phải trả các đối tượng khác	389.383.400	-
	1.270.824.450	509.236.850

- Mulhern Belting, Inc-New Jersey
- Công ty TNHH Cung ứng thiết bị máy PU
- SCANDIA USA MIDWEST LLC
- Phải trả các đối tượng khác

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	216.158.559	-	-	7.042.744.226	6.291.318.222	-	535.267.445					
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	104.999.781	-	-	2.954.433.820	2.849.434.039	-	-					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.029.097.953	-	5.038.924.276	4.891.446.461	-	1.176.575.768					
Thuế Thu nhập cá nhân	-	15.528.847	-	1.199.557.177	1.152.126.167	-	62.959.857					
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	12.073.524	12.073.524	-	-					
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-					
	321.158.340	1.044.626.800	16.250.733.023	15.199.398.413	1.774.803.070							

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Chi phí lãi vay	46.768.273	77.724.177
- Chi phí phải trả khác	278.664.345	2.957.910.806
	325.432.618	3.035.634.983

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	54.636.198	-
- Bảo hiểm xã hội	253.342.332	-
- Bảo hiểm y tế	42.291.095	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	18.558.739	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	44.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.157.088.500	1.116.287.000
- Phải trả chi phí lương nhân công bảo trì thuê ngoài	-	174.483.973
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	82.194.300	176.278.406
	1.608.111.164	1.511.049.379
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2019		31/12/2019	
	Giá trị Số có khả năng trả nợ		Giá trị Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	19.333.967.941	19.333.967.941	19.333.967.941	19.333.967.941
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn	19.333.967.941	19.333.967.941	19.333.967.941	19.333.967.941
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000
	32.533.967.941	32.533.967.941	32.533.967.941	32.533.967.941
b) Vay dài hạn				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000
	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(13.200.000.000)	(13.200.000.000)	(13.200.000.000)	(13.200.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-
	19.333.967.941	19.333.967.941	19.333.967.941	19.333.967.941
	32.533.967.941	32.533.967.941	32.533.967.941	32.533.967.941

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Tại ngày 31/12/2019, số dư tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/62647/HĐTD ngày 25/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ. Lãi suất trong năm đối với khoản vay USD là 4,0 - 4,2%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 27.883,31 USD, tương đương 651.313.289 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/62647/HĐTD ngày 25/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ. Lãi suất trong năm đối với khoản vay VND là 6%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 12.660.128.550 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Báo cáo tài chính Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư đầu năm trước	123.749.970.000	26.340.019.200	26.923.818.309	18.850.856.097
Lãi trong năm trước	-	-	-	16.980.997.288
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(11.137.497.300)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.149.744.074)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.303.297.222	(2.303.297.222)
Chi thường HĐQT và BKS	-	-	-	(200.000.000)
Tặng khác	-	-	-	31.480.328
Số dư cuối năm trước	123.749.970.000	26.340.019.200	29.227.115.531	20.072.795.117
Số dư đầu năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	29.227.115.531	20.072.795.117
Lãi trong năm nay	-	-	-	19.576.492.593
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(12.374.997.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.547.149.593)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.484.600.000	(2.484.600.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	(200.000.000)
Số dư cuối năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	31.711.715.531	22.042.541.117
				199.389.899.848
				199.389.899.848
				19.576.492.593
				(12.374.997.000)
				(2.547.149.593)
				(200.000.000)
				203.844.245.848

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 285/NQ-DHĐCĐ ngày 01/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		16.980.997.288
Lợi nhuận để lại các năm trước		3.091.797.829
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100	20.072.795.117
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,38	2.484.600.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,69	2.547.149.593
Chi trả cổ tức	61,65	12.374.997.000
Chi thường ban điều hành	1,00	200.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	12,29	2.466.048.524

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	48,85	60.456.580.000	48,85	60.456.580.000
- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	19,86	24.575.780.000	19,86	24.575.780.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	18,67	23.100.000.000	18,67	23.100.000.000
- Các cổ đông khác	12,62	15.617.610.000	12,62	15.617.610.000
	100	123.749.970.000	100	123.749.970.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	123.749.970.000	123.749.970.000
- Vốn góp cuối năm	123.749.970.000	123.749.970.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.116.287.000	1.041.753.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.374.997.000	11.137.497.300
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.374.997.000	11.137.497.300
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.334.195.500)	(11.062.963.900)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(12.334.195.500)	(11.062.963.900)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.157.088.500	1.116.287.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

đ) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.711.715.531	29.227.115.531
	31.711.715.531	29.227.115.531

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Trung Lập, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất theo từng đợt thanh toán với tổng số tiền là 27.018.352.845 VND.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	190.662,17	9.916,92
- Đồng Yên Nhật (JPY)	9.129.712	-

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.494.909.622	1.624.177.327
Doanh thu bán thành phẩm	265.435.075.815	231.363.110.208
	269.929.985.437	232.987.287.535
	21.039.212.000	10.128.956.300
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)		

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	21.681.000	13.400.000
	21.681.000	13.400.000

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.825.217.723	1.231.044.586
Giá vốn của thành phẩm đã bán	195.245.115.967	169.280.271.077
	199.070.333.690	170.511.315.663

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	609.316.439	784.190.075
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	602.260.388	500.790.509
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	116.743.154
	1.211.576.827	1.401.723.738

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.280.277.497	715.509.879
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	244.030.662	225.679.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	70.795.697	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	935.747.190	874.994.803
Chi phí tài chính khác	38.080.000	16.320.000
	2.568.931.046	1.832.504.258

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.379.317.882	1.062.954.565
Chi phí nhân công	5.490.260.581	3.988.379.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.838.853	29.164.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.393.448.644	23.605.093.210
Chi phí khác bằng tiền	45.509.450	6.442.880
Chi phí bảo hành	537.743.190	337.112.911
	33.883.118.600	29.029.147.613

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	242.280.439	134.529.975
Chi phí nhân công	6.071.840.058	5.422.392.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.943.584	478.701.568
Chi phí dự phòng	467.533.479	2.473.665.420
Thuế, phí và lệ phí	86.025.451	97.782.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.068.192.550	2.434.336.836
Chi phí khác bằng tiền	794.106.323	638.778.769
	11.114.921.884	11.680.187.135

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	253.198.000	-
Thu nhập khác	57.633.138	6.125.357
	310.831.138	6.125.357

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thuế VAT đầu vào không được khấu trừ	-	13.033.399
Phạt nộp thuế	129.572.916	21.161.438
Chi phí khác	48.417.397	34.360.274
	177.990.313	68.555.111

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	24.615.416.869	21.260.026.850
Các khoản điều chỉnh tăng	598.101.815	177.050.000
- Chi phí không hợp lệ	287.294.565	53.050.000
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	87.807.250	-
- Thù lao TV HĐQT không trực tiếp điều hành	223.000.000	124.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(18.897.302)	(41.929.041)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(18.897.302)	(41.929.041)
Thu nhập chịu thuế TNDN	25.194.621.382	21.395.147.809
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.038.924.276	4.279.029.562
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(31.480.328)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.029.097.953	1.003.677.793
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.891.446.461)	(4.222.129.074)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh	1.176.575.768	1.029.097.953

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	19.576.492.593	16.980.997.288
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19.576.492.593	16.980.997.288
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.582	1.372

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	152.754.289.322	138.881.030.408
Chi phí nhân công	35.536.240.307	29.131.315.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.449.403.088	14.178.819.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.935.002.733	30.752.060.155
Chi phí khác bằng tiền	3.174.100.086	4.134.523.992
	243.849.035.536	217.077.749.607

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.979.627.567	-	17.254.932.776	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.942.072.610	(3.798.870.376)	73.671.438.782	(3.331.336.897)
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	80.921.700.177	(3.798.870.376)	93.926.371.558	(3.331.336.897)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			13.311.441.839	32.533.967.941
Phải trả người bán, phải trả khác			35.956.215.801	21.200.839.880
Chi phí phải trả			325.432.618	3.035.634.983
			49.593.090.258	56.770.442.804

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.979.627.567	-	-	13.979.627.567
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.143.202.234	-	-	60.143.202.234
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	77.122.829.801	-	-	77.122.829.801
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.254.932.776	-	-	17.254.932.776
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.340.101.885	-	-	70.340.101.885
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	90.595.034.661	-	-	90.595.034.661

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành Báo cáo tài chính
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	13.311.441.839	-	-	13.311.441.839
Phải trả người bán, phải trả khác	35.856.215.801	100.000.000	-	35.956.215.801
Chi phí phải trả	325.432.618	-	-	325.432.618
	49.493.090.258	100.000.000	-	49.593.090.258
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	32.533.967.941	-	-	32.533.967.941
Phải trả người bán, phải trả khác	21.100.839.880	100.000.000	-	21.200.839.880
Chi phí phải trả	3.035.634.983	-	-	3.035.634.983
	56.670.442.804	100.000.000	-	56.770.442.804

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.	39.442.352.411	24.575.563.633
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.	58.666.670.512	25.806.856.757

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chỉ tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh băng tải cao su, dây courroie. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.114.355.994	70.793.948.443	269.908.304.437
Tài sản bộ phận	198.433.390.835	70.551.835.251	268.985.226.086
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.255.883.874	-	3.255.883.874

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành Báo cáo tài chính
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đồng lớn	21.039.212.000	10.128.956.300
Chia cổ tức			
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đồng lớn	6.045.658.000	5.441.092.200
- Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đồng lớn	2.457.578.000	2.211.820.200
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đồng lớn	2.310.000.000	2.079.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đồng lớn	7.728.298.600	6.013.851.360

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	571.000.000	480.000.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	958.000.000	836.000.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Huỳnh Ngọc Sơn
 Người lập


 Lưu Thị Tố Như
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ